

UNIT 3: BECOMING INDEPENDENT

1		ôm; ôm chặt (= hug)
2		cứng, không cong, không oằn; cứng rắn, cứng nhắc
3		cổ gắng, phấn đấu
4		thái độ; quan điểm
5		sự giàu có; sự giàu sang
6		kỉ luật tự giác; khả năng kiểm chế các ham muốn (cảm xúc...) của mình
7		thạo tin, hiểu biết
8		liếc nhìn; xem qua
9		mềm
10		giải thoát; cứu; cứu nguy
11		đang tồn tại hoặc được làm giữa hai người
12		trả lời; đáp lại
13		xấp; cuộn
14		làm lúng túng; làm ngượng ngùng
15		tự lực; độc lập; dựa vào khả năng và nỗ lực của bản thân
16		sự trốn thoát; lối thoát
17		anh chị em ruột
18		người bất chước; vật mô phỏng
19		tương tượng; không có thực; ảo
20		bảo vệ, bảo hộ, che chở
21		kẻ trộm; kẻ cắp
22		ảnh hưởng, chi phối, tác động
23		kỉ niệm; làm lễ kỉ niệm
24		quyết định; quyết đoán
25		sự không thực hiện, sự thiếu khả năng
26		trong mơ
27		(một cách) lén lút; xảo quyệt
28		đánh giá cao; biết thưởng thức

29		không biết làm hoặc nói gì; lúng túng, bối rối
30		sự đến gần, sự lại gần
31		tôn sùng; xem như thần tượng
32		quyết tâm làm gì
33		lòng tự trọng
34		bảo vệ
35		hợp, vừa; làm cho hợp, làm cho vừa, làm cho khớp
36		giấy bạc
37		dành ưu tiên
38		thét lên; hét lên (= shriek)
39		sự khâm phục, ngưỡng mộ
40		sự tự tin